

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Minh
- Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Hạ, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp Hạ, xã Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc G và anh Nguyễn Văn N chung sống như vợ chồng vào năm 1983, nhưng không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N không tôn trọng chị G. Chị G nhiều lần khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm với anh N nhưng không được, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung với nhau từ năm 2000 cho đến nay, thời gian sống xa nhau không có hàn gắn tình cảm.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người cần có cuộc sống riêng nên chị G yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Nguyễn Thị P, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị P1, sinh năm 1989. Hiện nay, cả 03 con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không có văn bản ghi ý kiến về việc chị G yêu cầu ly hôn, đồng thời đề vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc G và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn Nguyễn Văn N có địa chỉ tại xã Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị G vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị G và anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc G và anh Nguyễn Văn N là hợp pháp, anh chị không đăng ký kết hôn nhưng đã sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1983. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vắng mặt tại phiên tòa, anh N không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị G và anh N có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó khiến cho tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt, tuy đã sống xa nhau thời gian dài (trên 20 năm) nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm lại được. Từ đó cho thấy đời sống chung giữa anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Nguyễn Thị P, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị P1, sinh năm 1989. Hiện nay, cả 03 con chung đã

thành niên, có khả năng lao động nên chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu giải quyết, anh N không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các điều 85, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc G.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Nguyễn Thị P, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị P1, sinh năm 1989. Hiện nay, cả 03 con đã thành niên, có khả năng lao động, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005368 ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị G đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ